

Số: 370 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Công nghệ Thông tin
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Công nghệ Thông tin;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 5 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 97 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Công nghệ Thông tin (có danh sách kèm theo).

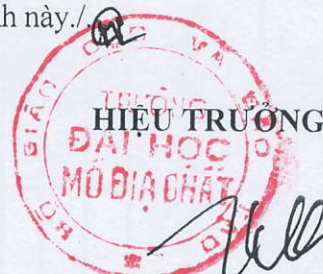
Điều 2. Trích số tiền 10.700.000 đồng (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên.;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Công nghệ Thông tin, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₈₎.



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH CÁ NHÂN SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
 (Kèm theo Quyết định số **3.70**.../QĐ-MDC ngày **4.7**... tháng **5**..... năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên xuất sắc

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TB MR	Điểm RL	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	1721050496	Đinh Việt	Anh	DCCTMM62B	3.68	0.1	3.78	97	200.000	21510002196140	BIDV	
2	1821051010	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	DCCTPM63A	3.58	0.05	3.63	95	200.000	21510002473454	BIDV	
3	1721050372	Phạm Thị Trà	Mỹ	DCCTKT62	3.60	0.1	3.70	91	200.000	21510002189256	BIDV	
4	1721050379	Bùi Quang	Anh	DCCTPM62A	3.88		3.88	93	200.000	21510002197170	BIDV	
5	1721050629	Trương Thúy	Giang	DCCTPM62C	3.83		3.83	91	200.000	21510002209020	BIDV	
Tổng cộng:									1.000.000			

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TB MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	1621050307	Nguyễn Tuấn	Ngọc	DCCTKH61B	3.81		3.81	80	100.000	21510001918332	BIDV	
2	1621050079	Nguyễn Ngọc	Son	DCCTKH61B	3.75		3.75	80	100.000	21510001921428	BIDV	
3	1621050861	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn	DCCTKH61B	3.75		3.75	80	100.000	21510001950723	BIDV	
4	1621050372	Trần Thanh	Bình	DCCTKH61B	3.54		3.54	83	100.000	21510001946625	BIDV	
5	1621050816	Phạm Đức	Mạnh	DCCTKH61B	3.54		3.54	85	100.000	21510001950477	BIDV	
6	1621050026	Lê Thị	Ngân	DCCTKH61A	3.46	0.1	3.56	83	100.000	21510001927019	BIDV	
7	1621050840	Vũ Nguyễn	Hoàng	DCCTKH61B	3.40		3.40	85	100.000	21510001950635	BIDV	
8	1621050561	Trần Thị	Dung	DCCTKH61B	3.29	0.05	3.34	85	100.000	21510001934417	BIDV	
9	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	DCCTKH61A	3.25		3.25	83	100.000	21510002308033	BIDV	
10	1621050886	Nguyễn Công	Chinh	DCCTKT61_1	3.39		3.39	83	100.000	21510001949457	BIDV	
11	1621050200	Vũ Thành	Long	DCCTKT61_1	3.40		3.40	88	100.000	21510001934213	BIDV	
12	1721050212	Trần Thị	Nguyễn	DCCTKH62B	3.50		3.50	81	100.000	21510002196399	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thường	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
13	1721050356	Lê Văn	Hà	DCCTKH62A	3.38		3.38	81	100.000	21510002180930	BIDV	
14	1721030063	Trần Thị	Mỹ	DCCTKH62A	3.37	0.1	3.47	83	100.000	21510002184695	BIDV	
15	1721050215	Trần Thuý	Hào	DCCTKH62A	3.24		3.24	81	100.000	21510002181988	BIDV	
16	1721050239	Ngô Thị	Hàng	DCCTKH62A	3.21		3.21	83	100.000	21510002186178	BIDV	
17	1721050540	Lê Thế	Quý	DCCTMM62B	3.92		3.92	80	100.000	226406255	VPBank	
18	1721050186	Hà Quang	Linh	DCCTMM62C	3.79		3.79	83	100.000	21510002186576	BIDV	
19	1721050912	Trần Đức	Dũng	DCCTMM62B	3.71		3.71	83	100.000	42710000401889	BIDV	
20	1721050218	Ma Văn	Hà	DCCTMM62C	3.63		3.63	81	100.000	21510002331154	BIDV	
21	1721050323	Nguyễn Ngọc	Hưng	DCCTMM62B	3.63		3.63	81	100.000	21510002189982	BIDV	
22	1721050723	Nguyễn Ngọc	Quang	DCCTMM62B	3.56		3.56	82	100.000	21510002508356	BIDV	
23	1721050911	Vũ Thị Mai	Linh	DCCTMM62B	3.50		3.50	81	100.000	21510002208993	BIDV	
24	1721050489	Bùi Thị	Hà	DCCTMM62B	3.47		3.47	81	100.000	21510002191145	BIDV	
25	1721050351	Nguyễn Thái	Hà	DCCTMM62B	3.44		3.44	83	100.000	44210000249266	BIDV	
26	1721050289	Dương Trung	Kiên	DCCTMM62A	3.38		3.38	87	100.000	109868850804	Vietinbank	
27	1721050475	Hoàng Thị Thu	Huyền	DCCTMM62B	3.38		3.38	92	100.000	21510002571783	BIDV	
28	1721050415	Đào Thị	Gấm	DCCTMM62B	3.35		3.35	81	100.000	21510002186895	BIDV	
29	1721050547	Hồ Văn	Nam	DCCTMM62B	3.32		3.32	81	100.000	21510002186558	BIDV	
30	1721050490	Trần Thị	Khánh	DCCTMM62B	3.26		3.26	81	100.000	21510002188961	BIDV	
31	1721050311	Hoàng Hải	Hà	DCCTMM62A	3.23		3.23	83	100.000	21510002190708	BIDV	
32	1721050682	Hoàng Thị Ngọc	Mai	DCCTMM62B	3.22		3.22	81	100.000	21510002210040	BIDV	
33	1721050707	Nguyễn Thị	Lý	DCCTPM62B	3.95		3.95	85	100.000	21510002210341	BIDV	
34	1721050670	Trương Trung	Hiếu	DCCTPM62A	3.69		3.69	83	100.000	48810000116841	BIDV	
35	1721050051	Nguyễn Công	Minh	DCCTPM62D	3.68		3.68	83	100.000	21510002330735	BIDV	
36	1721050520	Quách Văn	Cánh	DCCTPM62B	3.65		3.65	82	100.000	21510002179512	BIDV	
37	1721050449	Nguyễn Đức	Du	DCCTPM62B	3.63		3.63	85	100.000	21510002185999	BIDV	
38	1721050197	Nguyễn Trung	Kiên	DCCTPM62C	3.54		3.54	86	100.000	21510002185379	Vietcombank	
39	1721050176	Nguyễn Xuân	Việt	DCCTPM62D	3.45		3.45	81	100.000	107868862846	Vietinbank	
40	1721050504	Phạm Ngọc	Quân	DCCTPM62A	3.44		3.44	81	100.000	21510002195961	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
41	1721050715	Nguyễn Lê	Anh	DCCTPM62C	3.44		3.44	83	100.000	21510002330665	BIDV	
42	1721050256	Nguyễn Đức Hoàng	Anh	DCCTPM62B	3.43		3.43	80	100.000	21510002190197	BIDV	
43	1721050725	Nguyễn Thị	Sinh	DCCTPM62C	3.35		3.35	81	100.000	21510002330513	BIDV	
44	1721050125	Phạm Tiến	Mạnh	DCCTPM62D	3.33		3.33	82	100.000	21510002187551	BIDV	
45	1721050053	Vũ Huy	Quang	DCCTPM62D	3.28		3.28	81	100.000	21510002184543	BIDV	
46	1721050406	Phạm Như	May	DCCTPM62C	3.28		3.28	81	100.000	21510002185069	BIDV	
47	1721050681	Nguyễn Khả	Hợp	DCCTPM62C	3.28		3.28	81	100.000	21410001018651	BIDV	
48	1721050696	Lê Văn	Bình	DCCTPM62B	3.22		3.22	81	100.000	21510002209792	BIDV	
49	1821050566	Đặng Thạch	Son	DCCTKH63B	3.44	0.1	3.54	83	100.000	21510002472071	BIDV	
50	1821050631	Phạm Mai	Lan	DCCTKH63A	3.43	0.1	3.53	81	100.000	19036517787014	Techcombank	
51	1821050796	Trần Thị Kim	Anh	DCCTKH63C	3.38		3.38	81	100.000	21510002469037	BIDV	
52	1821051059	Nguyễn Đức	Tư	DCCTKH63B	3.33	0.05	3.38	82	100.000	51510000336257	BIDV	
53	1821051024	Phạm Thị	Trang	DCCTKH63C	3.31	0.05	3.36	84	100.000	21510002472947	BIDV	
54	1821050302	Tạ Tưng	Thiện	DCCTKH63A	3.25		3.25	81	100.000	11610000275971	BIDV	
55	1821050957	Phan Thanh	Huyền	DCCTHT63B	3.35	0.1	3.45	81	100.000	19036925058012	Techcombank	
56	1821051046	Nguyễn Huyền	Trang	DCCTHT63B	3.32		3.32	81	100.000	45010004688860	BIDV	
57	1821051049	Trần Văn	Huy	DCCTHT63B	3.32		3.32	84	100.000	11610000347995	BIDV	
58	1821050455	Đỗ Minh	Hiếu	DCCTPM63A	3.74		3.74	80	100.000	42710000555148	BIDV	
59	1821051113	Nguyễn Thị	Nga	DCCTPM63B	3.63		3.63	83	100.000	19036517175019	Techcombank	
60	1821050608	Trần Minh	Hiếu	DCCTPM63A	3.61		3.61	80	100.000	21510002478316	BIDV	
61	1821050295	Đỗ Thị	Huyền	DCCTPM63A	3.59		3.59	83	100.000	21510002474679	BIDV	
62	1821050425	Trần Ngọc	Anh	DCCTPM63B	3.59		3.59	83	100.000	21510002472734	BIDV	
63	1821050212	Phạm Xuân	Huy	DCCTPM63A	3.54		3.54	83	100.000	21710000457809	BIDV	
64	1821050582	Bùi Thảo	Lý	DCCTPM63B	3.51		3.51	81	100.000	21510002474998	BIDV	
65	1821050193	Nguyễn Tiến	Đạt	DCCTPM63B	3.48		3.48	80	100.000	1903369620814	Techcombank	
66	1821050435	Đinh Thị Thùy	Linh	DCCTPM63A	3.47		3.47	86	100.000	21510002474828	BIDV	
67	1821050545	Đỗ Văn	Huân	DCCTPM63B	3.45		3.45	84	100.000	0711000296027	BIDV	
68	1821050305	Nguyễn Thị Thu	Huyền	DCCTPM63A	3.41		3.41	81	100.000	21510002473393	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thường	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
69	1821050354	Đỗ Thị	Hồng	DCCTPM63B	3.40		3.40	83	100.000	21510002689950	BIDV	
70	1821050932	Nguyễn Thế	Duy	DCCTPM63B	3.39		3.39	80	100.000	21510002473472	BIDV	
71	1821051087	Võ Ngọc	Đức	DCCTPM63B	3.39		3.39	83	100.000	21510002475502	BIDV	
72	1821050343	Bùi Thị	Mỹ	DCCTPM63B	3.37		3.37	80	100.000	21510002474989	BIDV	
73	1821050317	Đinh Thị Cẩm	Lý	DCCTPM63B	3.36		3.36	81	100.000	21510002474837	BIDV	
74	1821050243	Tạ Diễm	Quỳnh	DCCTPM63B	3.26		3.26	80	100.000	21510002472840	BIDV	
75	1821051031	Lý Thị	Hiền	DCCTPM63A	3.22		3.22	81	100.000	19036148335015	BIDV	
76	1821050505	Trần Thị	Mai	DCCTKT63A	3.48	0.05	3.53	99	100.000	21510002478565	BIDV	
77	1821050711	Trần Thu	Hiền	DCCTKT63B	3.39		3.39	83	100.000	21510002468928	BIDV	
78	1821051065	Phạm Thị	Thúy	DCCTMM63A	3.68		3.68	87	100.000	21510002472956	BIDV	
79	1821051129	Phạm Thị Hồng	Sinh	DCCTMM63A	3.34		3.34	81	100.000	21510002590964	BIDV	
80	1821051079	Nguyễn Bá	Nam	DCCTMM63B	3.25	0.05	3.30	82	100.000	11610000424889	BIDV	
81	1821051115	Nguyễn Thị	Hậu	DCCTDH63B	3.94	0.1	4.04	85	100.000	21510002591222	BIDV	
82	1821050773	Đinh Công	Huân	DCCTDH63B	3.55		3.55	81	100.000	21710000528893	BIDV	
83	1821050795	Đào Văn	Tùng	DCCTDH63A	3.55		3.55	83	100.000	21510002476374	BIDV	
84	1821050467	Lê Tiến	Đạt	DCCTDH63A	3.52		3.52	85	100.000	21510002474226	BIDV	
85	1821050848	Trần Ngọc	Đức	DCCTDH63B	3.49		3.49	83	100.000	21510002472725	BIDV	
86	1821050480	Nguyễn Thị	Hoa	DCCTDH63B	3.47		3.47	81	100.000	21510002475593	BIDV	
87	1821050637	Nguyễn Trọng	Huân	DCCTDH63A	3.38		3.38	83	100.000	19032381889882	Teachcombank	
88	1921050555	Đào Thị	Thắm	DCCTCT64D	3.69	0.1	3.79	86	100.000	21510002936364	BIDV	
89	1921050598	Nguyễn Văn	Tiến	DCCTCT64C	3.50		3.50	81	100.000	3100205683855	Agribank	
90	1921050480	Nguyễn Văn	Quang	DCCTCT64D	3.34		3.34	80	100.000	21510002940949	BIDV	
91	1921050673	Ngô Thị Ánh	Tuyết	DCCTCT64C	3.34		3.34	81	100.000	21510002933392	BIDV	
92	1921050484	Đặng Hoàng	Quân	DCCTCT64B	3.29	0.1	3.39	89	100.000	21510002936683	BIDV	
93	1921050606	Đinh Quỳnh	Trang	DCCTCT64D	3.20		3.20	81	100.000	21510002936258	BIDV	
94	2021050898	Trần Diệu	Linh	DCCTCT65E1	3.77	0.1	3.87	80	100.000	21510003320933	BIDV	
95	2021050225	Bùi Thị Minh	Hà	DCCTCT65B2	3.66		3.66	80	100.000	76010001066236	BIDV	
96	2021050776	Vũ Thị Mai	Chi	DCCTCT65E2	3.28		3.28	81	100.000	21510003314538	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thường	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
97	2021050326	Nguyễn Thị	Huyền	DCCTCT65B2	3.24		3.24	80	100.000	107872176082	Vietinbank	
Tổng cộng:									9.700.000			

Tổng cộng A+B = 1.000.000 + 9.700.000 = 10.700.000

(Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn)

Duyệt của BGH

Phòng KH_TC

Phòng CTCT-SV

Lãnh đạo khoa

Người lập biên



 Hoàng Thị Chi


 Lê Xuân Thanh


 Nguyễn Hải Dung


 Nguyễn Thị Bích

GS.TS Xuân Xuân Hải

Số: 367 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Cơ - Điện
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Cơ - Điện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 02 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 08 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Cơ - Điện (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Cơ - Điện, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₀₁₎.



HIỆU TRƯỞNG


Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CẢ NHÂN SINH VIÊN KHOA CƠ - ĐIỆN

ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020 - 2021

Kèm theo Quyết định số 361/QĐ-MĐC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất

A. Danh hiệu sinh viên xuất sắc

TT	Họ đệm	Tên	MSSV	Lớp	Điểm TBC học tập	Điểm thưởng	Điểm TBT mở rộng	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đồng)	Số Tài Khoản	Ngân hàng
1	Nguyễn Thành	Luân	1621060096	DCCDDK61	3.73	0.1	3.83	90	200.000	21510001922971	BIDV
2	Ngô Thị Hoàng	Anh	1621060026	DCCDDTD61	3.71	0.1	3.81	93	200.000	21510001920975	BIDV

A=

400.000

B. Danh hiệu sinh viên giỏi

TT	Họ đệm	Tên	MSSV	Lớp	Điểm TBC học tập	Điểm thưởng	Điểm TBT mở rộng	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đồng)	Số Tài Khoản	Ngân hàng
1	Trương Tấn	Giôn	1621060256	DCCDDTD61A	3.5			84	100.000	21510001927222	BIDV
2	Nguyễn Công	Trưởng	1621060390	DCCDDTD61C	3.36			86	100.000	21510001932439	BIDV
3	Hồ Diên	Kế	1621060107	DCCDDTD61	3.6			82	100.000	21510001923929	BIDV
4	Nguyễn Ngọc	Quảng	1621060208	DCCDDTD61	3.58			86	100.000	21510001926104	BIDV
5	Lê Đức	Hậu	1621060001	DCCDDTD61	3.57			81	100.000	21510001919539	BIDV
6	Nguyễn Ánh	Tuyết	1721060309	DCCDDTD62	3.24			83	100.000	21510002186071	BIDV
7	Lưu Đức	Phong	1821060297	DCCDHT63	3.53			82	100.000	21510002467253	BIDV
8	Ngô Trung	Hiếu	1821060135	DCCDDTD63	3.47			84	100.000	21510002467101	BIDV

B=

800.000

Tổng = A+B=

1.200.000

Bảng Chữ: Một triệu hai trăm nghìn đồng

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2021

Duyệt của BGH

P. Kế hoạch Tài chính

P. CTCT-SV

Khoa Cơ - Điện

Người lập biên

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Văn Thanh

PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Ngô Văn Thanh

Đào Thị Hiền

Số: 372 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Dầu khí
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Dầu khí;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 01 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 55 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Dầu khí (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Dầu khí, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₁₀₎.



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA DẦU KHÍ

ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: **372** /QĐ-MĐC, ngày **17** tháng **5** năm 2021)

A. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc:

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCMR	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số TK	Ngân hàng
1	1621010115	Nguyễn Thị Liên	Thảo	14	3.68		3.68	90	200.000	21510001917603	
Cộng											
									200.000		

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi:

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCMR	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số TK	Ngân hàng
1	1621010902	Mey	Kadun	12	3.88		3.88	86	100.000	42710000312389	
2	1621010084	Nguyễn Hữu Nghĩa	DKDKKK61	11	3.86		3.86	80	100.000	21510001917436	
3	1621010215	Nguyễn Thị Thu	DKDKKK61	11	3.77		3.77	80	100.000	21510001929963	
4	1621010118	Nguyễn Văn Lưu	DKDKKK61	12	3.75		3.75	80	100.000	21510001956730	
5	1621010071	Lê Tiến Dũng	DKDKKK61	11	3.64		3.64	80	100.000	107869350976	Vietinbank
6	1721010013	Vũ Hoàng Anh	DCDKKK62	19	3.82		3.82	81	100.000	21510002179114	
7	1721010062	Phạm Quang Huy	DCDKKK62	23	3.72		3.72	83	100.000	21510002185050	
8	1721010052	Nguyễn Quốc Nam	DCDKKK62	21	3.64		3.64	83	100.000	21510002183106	
9	1721010063	Hoàng Thị Phương	DCDKKK62	19	3.53	0.1	3.63	86	100.000	21510002186488	
10	1721010150	Nguyễn Ngọc Tú	DCDKKK62	17	3.41		3.41	80	100.000	21510002183188	
11	1721010055	Trần Đoàn Thu Trang	DCDKKK62	17	3.32	0.05	3.37	81	100.000	21510002184783	
12	1921010108	Tạ Duy Linh	DCDKKK64	17	3.41		3.41	81	100.000	21510002939099	
13	1921010128	Nguyễn Văn Trung	DCDKKK64	19	3.29		3.29	80	100.000	21510002940790	
14	2021010003	Nguyễn Đức Huy	DCDKKK65	15	4.00	0.1	4.1	83	100.000	21510003328803	
15	2021010183	Vũ Minh Nguyệt	DCDKKK65	15	3.73		3.73	81	100.000	21510003320225	
16	2021010178	Nguyễn Văn Hào	DCDKKK65	15	3.37		3.37	81	100.000	21510003321884	
17	2021010199	Lê Trung Anh	DCDKKK65	15	3.33		3.33	80	100.000	21510003324306	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCMR	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số TK	Ngân hàng
18	2021010124	Trịnh Đức	Anh	DCDKDK65	15	3.23		3.23	80	100.000	21510003320401	
19	2021010038	Nguyễn Thị	Huyền	DCDKDK65	15	3.23		3.23	81	100.000	21510003322717	
20	1621010255	Nguyễn T. Phương	Thanh	DCDKLD61A	13	3.73		3.73	85	100.000	21510001970411	
21	1621010735	Bùi Thanh	Trương	DCDKLD61B	19	3.58		3.58	84	100.000	21510002166879	
22	1621010264	Trịnh Hữu	Tùng	DCDKLD61B	11	3.55		3.55	84	100.000	21510001931843	
23	1621010309	Đàm Ngọc	Lâm	DCDKLD61A	11	3.36		3.36	84	100.000	51210000483781	
24	1721010131	Dương Thị Thùy	Trang	DCDKLD62	14	3.57	0.1	3.67	85	100.000	21510002190762	
25	1721010124	Trần Thị Linh	Chi	DCDKLD62	14	3.43		3.43	80	100.000	21510002196584	
26	1821010153	Vũ Đình	Khiêm	DCDKLD63	19	3.55		3.55	82	100.000	21510002462896	
27	1821010005	Bùi Thị	Thúy	DCDKLD63	20	3.31		3.31	90	100.000	21510002468502	
28	1921010123	Phạm Thị	Thanh	DCDKLD_64	18	3.69	0.1	3.79	87	100.000	21510002939813	
29	1921010065	Võ Hoàng Thúy	Vy	DCDKLD64	20	3.77		3.77	85	100.000	21510002937613	
30	1921010089	Nguyễn Thị	Duyên	DCDKLD_64	18	3.33		3.33	80	100.000	21510002942592	
31	1921010129	Ngô Văn	Tuấn	DCDKLD_64	18	3.28		3.28	81	100.000	21510002933295	
32	1621010001	Đặng Văn	Hội	DCDKDC61_2	11	3.73		3.73	83	100.000	21510001915713	
33	1621010225	Cao Hữu	Phước	DCDKDC61_2	14	3.39	0.1	3.49	89	100.000	21510001930017	
34	1821010170	Phạm Tiến	Lộc	DCDKDC63	28	3.53		3.53	84	100.000	47110001218030	
35	1821010155	Trần Văn	Công	DCDKDC63	23	3.45		3.45	87	100.000	21510002463057	
36	1821010157	Trần Anh	Đức	DCDKDC63	23	3.35		3.35	84	100.000	21510002465655	
37	1821010144	Nguyễn Văn	Trương	DCDKDC63	23	3.28		3.28	87	100.000	21510002466214	
38	1821010091	Trần Phương	Nam	DCDKDC63	23	3.28		3.28	82	100.000	21510002463127	
39	1721010054	Nguyễn Thị	Thu	DCDKTB62	15	3.90		3.90	85	100.000	21510002180170	
40	1721010101	Nguyễn Thị	Thảo	DCDKTB62	15	3.43		3.43	86	100.000	21510002196469	
41	1721010042	Đinh Công	Anh	DCDKTB62	22	3.23		3.23	81	100.000	21510002188545	
42	1721010053	Chu Thị	Thom	DCDKTB62	15	3.20		3.20	83	100.000	21510002187010	
43	1821010041	Nguyễn Đức	Minh	DCDKTB63	21	3.47		3.47	81	100.000	21510002466940	
44	1621010216	Nguyễn Thị	Thảo	DCDKDV61_1	14	3.79		3.79	88	100.000	21510001929972	
45	1621010085	Phạm Hải	Anh	DCDKDV61_1	14	3.79		3.79	88	100.000	21510001917445	
46	1621010013	Nguyễn Việt	Đạt	DCDKDV61_1	14	3.79		3.79	86	100.000	21510001954284	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCMR	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số TK	Ngân hàng
47	1621011052	Đỗ Anh	Đức	14	3.79		3.79	83	100.000	21510001970907	
48	1621010344	Bùi Hồng	Hạnh	14	3.46		3.46	86	100.000	21510001954363	
49	1621010181	Nguyễn Tuấn	Thành	14	3.46		3.46	82	100.000	4786967898888	MB Bank
50	1621010120	Phạm Thị Thanh	Xuân	14	3.39		3.39	84	100.000	21510001918970	
51	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	16	3.22	0.1	3.32	86	100.000	21510001949703	
52	1621010189	Trương Việt	Hoàng	14	3.21		3.21	84	100.000	21510001929255	
53	2021010003C	SIVCHHINH	Sysan	11	3.45		3.45	83	100.000	42710000803290	
54	2021010001C	SOPANHA	Kong	11	3.32		3.32	83	100.000	42710000803281	
55	2021010156	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Đức	11	3.27		3.27	81	100.000	2107205314410	Agribank
Cộng									5.500.000		

Tổng cộng: A + B = 200.000 + 5.500.000 = 5.700.000đ

(Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn)

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Duyệt của BGH

Phòng Kế hoạch tài chính

Phòng CTCT - SV

Ban chủ nhiệm Khoa

Người lập biểu



Phạm T. P. Chu

Đỗ Xuân Thành

PGS.TS Nguyễn Thế Vinh

Ng. Thu Thu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Xuân Thanh Hải

Số: 378 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 01 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 18 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₁₀₎.



GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA
KHOA KHOA HỌC& KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020 - 2021**
(Kèm theo quyết định số **378** /QĐ-MBC, ngày **17** tháng **5** năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất)

1. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc

STT	MSV	Họ và tên sinh viên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh
				TBHT	Thưởng	TBMR	DRL				
1	1621020011	Phạm Văn Hải	DCDCCT_61	4,00			92	200.000	21510001919256	BIDV	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Xuất sắc								200.000			

2. Danh hiệu sinh viên Giỏi

STT	MSV	Họ và tên sinh viên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh
				TBHT	Thưởng	TBMR	DRL				
1	1621020002	Đặng Hương	DCDCDC_61	4,00		4,00	82	100.000	21510001919201	BIDV	
2	1621020025	Hoàng Quang	DCDCDC_61	4,00		4,00	82	100.000	21510001920601	BIDV	
3	1621020032	Trần Thái Bảo	DCDCCT_61	4,00		4,00	86	100.000	21510001971645	BIDV	
4	1621020010	Đào Mạnh Hiệp	DCDCCT_61	3,94		3,94	81	100.000	21510002703443	BIDV	
5	1621020045	Bùi Thị Thuý	DCDCCT_61	3,58		3,58	84	100.000	21510001971627	BIDV	
6	1621020053	Vũ Hoàng Dương	DCDCCT_61	3,31		3,31	86	100.000	46310003159686	BIDV	
7	1621020022	Võ Tú Quỳnh	DCDCCT_61	3,42		3,42	84	100.000	21510001920586	BIDV	
8	1721010025	Trần Xuân Bách	DCDCDC_62	3,40		3,40	90	100.000	21510002181933	BIDV	
9	1821020023	Lê Thảo Uyên	DCDCDC_63	3,53	0,10	3,63	84	100.000	21510002467457	BIDV	

10	1821020015	Vũ Đình Tuấn	DCDCDC_63	3,56		3,56	81	100.000	21510002181818	BIDV	
11	1821020017	Chu Văn Nghĩa	DCDCDC_63	3,21		3,21	81	100.000	46510000373135	BIDV	
12	1921020047	Nguyễn Thị Lâm Phương	DCDCDC64	3,83	0,05	3,88	83	100.000	21510002942291	BIDV	
13	1921020059	Vũ Việt Khoa	DCDCDC64	3,47		3,47	82	100.000	21510003043887	BIDV	
14	1921010043	Ngô Ngọc Sơn	DCDCDC64	3,43		3,43	86	100.000	12010007106912	BIDV	
15	1921020054	Nguyễn Quang Trung	DCDCDC64	3,43		3,43	81	100.000	42510001266874	BIDV	
16	1921020024	Trần Như Ngọc	DCDCDC64	3,33		3,33	91	100.000	21510003043841	BIDV	
17	2021020062	Nguyễn Thanh Bình	DCDCDC65	3,72		3,72	80	100.000	21510003330598	BIDV	
18	2021020173	Nguyễn Hữu Khoa	DCDCDH65	3,41		3,41	80	100.000	21510003330349	BIDV	
Tổng cộng: (1+2) =				2.000.000 đ							
Số tiền bằng chữ: Hai triệu đồng											

Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Giỏi

Duyệt BGH

Phòng KHTC

P.CTCT-SV

Khoa KH&KT Địa chất

Người lập biểu



Phạm T.P. Chi

TS Nguyễn Tiến Dũng

Phan T Thùy Dương

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Thành Hải



Số: 373 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 10 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 142 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₁₀₎.



GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA KINH TẾ & QTKD
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: **373/QĐ-MDC** ngày **17** tháng **5** năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên xuất sắc

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài Khoản	Ghi Chú	
				TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1724010530	Trịnh Trọng	Nghĩa	Kế toán DN B K62	3.86	0.05	3.91	90	200.000	21510002209039	
2	1724010429	Đinh Thị	Hạnh	Kế toán DN C K62	3.77	0.10	3.87	96	200.000	21510002184154	
3	1724010508	Trịnh Minh	Hoàng	Kế toán DN C K62	3.79	0.05	3.84	92	200.000	21510002209057	
4	1724010541	Nguyễn Thị	Hoa	Kế toán DN C K62	3.55	0.05	3.60	91	200.000	21510002209589	
5	1724010411	Lê Thị Thu	Hà	Kế toán DN D K62	4.00		4.00	90	200.000	21510002183647	
6	1724010348	Nguyễn Thị Phương	Hoa	QTKD B K62	3.69		3.69	90	200.000	21510002189724	
7	1824010102	Nguyễn Trường	Giang	Kế toán DN B K63	3.78	0.10	3.88	93	200.000	21510002469772	
8	1824010961	Phạm Thị	Hiên	QTKD B K63	3.59	0.10	3.69	94	200.000	42710000682930	
9	1824011032	Nguyễn Thị Vân	Anh	QTTM A K63	3.62		3.62	91	200.000	21710000456897	
10	2024011815	Phạm Thị Phương	Thanh	QTKD B1 K65	3.61		3.61	90	200.000	43210001850303	
Tổng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc									2.000.000		

B. Danh hiệu sinh viên giỏi

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi Chú	
				Học tập	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1724010167	Bùi Hạnh	Ngân	Kế toán DN A K62	3.80		3.80	83	100.000	21510002187144	
2	1724010545	Đào Thị Nam	Phượng	Kế toán DN A K62	3.77		3.77	89	100.000	21510002197134	
3	1724010180	Bùi Thị Diệu	Linh	Kế toán DN A K62	3.68		3.68	85	100.000	21510002331020	
4	1724010403	Nguyễn Thị	Hiên	Kế toán DN A K62	3.5		3.50	89	100.000	21510002185591	
5	1724010454	Nguyễn Thị Lan	Hương	Kế toán DN A K62	3.72		3.72	89	100.000	21510002182936	
6	1724010588	Hoàng Thị Thu	Uyên	Kế toán DN A K62	3.44		3.44	80	100.000	21510002210022	
7	1724010298	Phạm Thị	Dung	Kế toán DN A K62	3.45		3.45	89	100.000	21510002189292	
8	1724010575	Bùi Thị Thanh	Huyền	Kế toán DN A K62	3.27		3.27	80	100.000	21510002331011	
9	1724010476	Cù Thị	Trang	Kế toán DN A K62	3.44		3.44	81	100.000	21510002188606	
10	1724010195	Lê Thị	Lệ	Kế toán DN A K62	3.67		3.67	89	100.000	21510002190461	
11	1724010812	Hoàng Văn	Som	Kế toán DN A K62	3.54		3.54	91	100.000	21510002330832	

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài Khoản	Ghi Chú	
				TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
12	1724010441	Hoàng Thị	Huyền	Kế toán DN B K62	3,86		3,86	88	100.000	21510002181164	
13	1724010820	Bùi Thị	Thoa	Kế toán DN B K62	3,66		3,66	80	100.000	21510002331002	
14	1724010525	Phan Thị Hải	Yến	Kế toán DN B K62	3,59	0,05	3,64	81	100.000	21510002187506	
15	1724010538	Trần Thị Ánh	Kiều	Kế toán DN B K62	3,41	0,05	3,46	88	100.000	52010000425409	
16	1724010491	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Kế toán DN C K62	3,73		3,73	81	100.000	21510002330559	
17	1724010431	Mai Thị	Bích	Kế toán DN C K62	3,41		3,41	81	100.000	21510002180879	
18	1724010364	Nguyễn Thị Kim	Dung	Kế toán DN C K62	3,50		3,50	81	100.000	21510002187755	
19	1724010193	Nguyễn Thanh	Huế	Kế toán DN C K62	3,59		3,59	81	100.000	21510002189876	
20	1724010669	Đặng Diệu	Linh	Kế toán DN C K62	3,54		3,54	86	100.000	21510002210226	
21	1724010284	Đặng Thị Hương	Lý	Kế toán DN C K62	3,45		3,45	82	100.000	21510002186938	
22	1724010675	Phạm Thị	Thanh	Kế toán DN C K62	3,50		3,50	84	100.000	21510002209279	
23	1724010555	Nguyễn Thị Thu	Hương	Kế toán DN D K62	3,73		3,73	86	100.000	21510002209516	
24	1724010479	Bùi Bích	Phuong	Kế toán DN D K62	3,68		3,68	85	100.000	21510002188651	
25	1724010244	Vũ Thị Thu	Hoài	Kế toán DN D K62	3,85		3,85	88	100.000	21510002179035	
26	1724010653	Nguyễn Thị	Tuyết	Kế toán DN D K62	3,62		3,62	83	100.000	21510002209473	
27	1724010017	Lê Thị	Quỳnh	Kế toán DN E K62	3,40		3,40	83	100.000	21510002197064	
28	1724010110	Phạm Phương	Anh	Kế toán DN E K62	3,56		3,56	81	100.000	21510002182352	
29	1724010082	Nguyễn Thị	Linh	Kế toán DN E K62	3,56		3,56	86	100.000	21510002185555	
30	1724010018	Cao Mỹ	Quỳnh	Kế toán DN E K62	3,45		3,45	81	100.000	21510002330993	
31	1724010111	Thái Triệu	Anh	Kế toán DN E K62	3,33		3,33	81	100.000	21510002182130	
32	1724010209	Ngô Thị	Hương	QTKD A K62	3,82		3,82	82	100.000	11610000101678	
33	1724010207	Nguyễn Thị Thu	Trang	QTKD A K62	3,50		3,50	83	100.000	21510002189672	
34	1724010660	Nguyễn Thị Thu	Hoài	QTKD B K62	3,77		3,77	83	100.000	21510002196964	
35	1724010321	Vũ Thị Khánh	Linh	QTKD B K62	3,69		3,69	85	100.000	21510002181766	
36	1724010534	Bùi Thị Thu	Hoài	QTKD Mỏ K62	3,62		3,62	83	100.000	21510002197161	
37	1724010362	Vũ Thị Hồng	Nhài	QTKD Dầu K62	3,50		3,50	81	100.000	21510002179062	
38	1824010851	Lê Thị	Huyền	Kế toán DN A K63	3,50		3,50	81	100.000	21510002464485	
39	1824010980	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Kế toán DN A K63	3,41		3,41	84	100.000	0120155082266	MB bank CN Hội Sở
40	1824010477	Đinh Bình	Minh	Kế toán DN A K63	3,28		3,28	86	100.000	21510002465150	
41	1824010945	Đặng Nguyệt	Ánh	Kế toán DN B K63	3,70	0,05	3,75	85	100.000	21510002472080	
42	1824010912	Tạ Thị Quỳnh	Trang	Kế toán DN B K63	3,58		3,58	80	100.000	21510002469222	

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài Khoản	Ghi Chú	
				TBHT	Thường	TBMR	ĐRL				
43	1824010452	Tạ Thị Khánh	My	Kế toán DN B K63	3,43	0,05	3,48	84	100.000	21510002477137	
44	1824010363	Đỗ Nguyễn Mai	Trang	Kế toán DN C K63	3,46	0,10	3,56	88	100.000	21510002471892	
45	1824010837	Nguyễn Thị Kim	Dung	Kế toán DN C K63	3,56		3,56	81	100.000	21510002463437	
46	1824010755	Nguyễn Thị Trà	My	Kế toán DN C K63	3,31		3,31	83	100.000	21510002666573	
47	1824010108	Vũ Duy	Hoàng	Kế toán DN D K63	3,59	0,05	3,64	83	100.000	21510002688319	
48	1824010701	Bùi Thị Thanh	Hà	Kế toán DN D K63	3,60		3,60	81	100.000	21510002472187	
49	1824010625	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Kế toán DN D K63	3,55		3,55	82	100.000	21510002470224	
50	1824010327	Trương Thị Thu	Dung	Kế toán DN D K63	3,36		3,36	80	100.000	21510002757389	
51	1824010479	Bùi Đức	Thành	Kế toán DN D K63	3,21		3,21	85	100.000	21510002465558	
52	1824011070	Trịnh Thị Vân	Anh	Kế toán DN E K63	3,73	0,05	3,78	86	100.000	21510002590715	
53	1824010953	Đào Thị Ngọc	Linh	Kế toán DN E K63	3,54		3,54	83	100.000	21510002472008	
54	1824011041	Vũ Thị	Thoa	Kế toán DN E K63	3,72		3,72	81	100.000	21510002590645	
55	1824010204	Nguyễn Huyền	Trang	Kế toán DN E K63	3,64		3,64	86	100.000	21510002470710	
56	1824011004	Trần Thu	Hà	Kế toán DN E K63	3,29		3,29	83	100.000	21510002590733	
57	1824010080	Nguyễn Hoàng	Hải	Kế toán DN E K63	3,37		3,37	81	100.000	21510002464014	
58	1824010813	Đỗ Thị	Hương	Kế toán DN E K63	3,33	0,05	3,38	89	100.000	21510002464971	
59	1824010724	Đào Hoàng	Quên	Kế toán DN E K63	3,28		3,28	83	100.000	21510002472035	
60	1824010387	Vũ Thị Kiều	Trinh	Kế toán DN E K63	3,36		3,36	82	100.000	21510002468663	
61	1824010943	Bùi Thị	Thúy	Kế toán DN G K63	3,84		3,84	85	100.000	21510002472169	
62	1824010563	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Kế toán DN G K63	3,55		3,55	81	100.000	46010003716442	
63	1824011048	Nguyễn Thị	Yến	Kế toán DN G K63	3,52		3,52	81	100.000	42710000587752	
64	1824010925	Nguyễn Thị	Ánh	Kế toán DN G K63	3,48		3,48	84	100.000	21510002470385	
65	1824010996	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Kế toán DN G K63	3,23		3,23	81	100.000	42710000491695	
66	1824010260	Phùng Thu	Hà	Kế toán DN G K63	3,4		3,40	83	100.000	21510002469259	
67	1824010525	Nguyễn Thị	Thúy	Kế toán DN G K63	3,42		3,42	82	100.000	21510002469985	
68	1824011076	Nguyễn Ngọc	Huyền	QTKD A K63	3,67		3,67	81	100.000	21510002591268	
69	1824010752	Hà Thị Huyền	Trang	QTKD A K63	3,43		3,43	84	100.000	21510002471652	
70	1824010339	Đỗ Thị	Ánh	QTKD A K63	3,42		3,42	81	100.000	21510002929090	
71	1824010465	Nguyễn Thị Kiều	Anh	QTKD A K63	3,39		3,39	83	100.000	19036278423031	Tecombank CN Hoàng Quốc Việt
72	1824010862	Trần Thị	Thúy	QTKD A K63	3,29		3,29	81	100.000	21710000646625	
73	1824010021	Nguyễn Quốc	Trung	QTKD B K63	3,46		3,46	81	100.000	21310000907953	

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài Khoản	Ghi Chú
				TBHT	Thường	TBMR	ĐRL			
74	1824010949	Nguyễn Tiến Đạt	QTKD B K63	3,36	0,05	3,41	85	100.000	21510002469842	
75	1824010893	Nguyễn Hoàng Lân	QTKD B K63	3,35		3,35	81	100.000	21510002470783	
76	1824010892	Nguyễn Hoàng Long	QTKD B K63	3,22		3,22	84	100.000	21510002470774	
77	1824010410	Đoàn Thị Huệ	QTTM A K63	3,68		3,68	83	100.000	21510002478893	
78	1824011014	Đỗ Kiều Chinh	QTTM A K63	3,53	0,05	3,58	81	100.000	21510002591587	
79	1824010395	Nguyễn Thị Hồng Giang	QTTM A K63	3,45		3,45	81	100.000	21510002463543	
80	1824010984	Nguyễn Hải Yến	QTTM A K63	3,39		3,39	80	100.000	21510002464041	
81	1824010829	Lê Thị Anh	QTTM A K63	3,29		3,29	81	100.000	21510002471379	
82	1824010579	Nguyễn Thị Như Quỳnh	QTTM A K63	3,47		3,47	83	100.000	21510002478750	
83	1824010558	Nguyễn Hoàng Lâm	QTTM B K63	3,61		3,61	84	100.000	27910000443253	
84	1824010166	Nguyễn Ngọc Hải	QTTM B K63	3,54		3,54	84	100.000	190370006554018	Techcombank
85	1824011007	Trần Thị Anh	QTTM B K63	3,40		3,40	81	100.000	12310001059532	
86	1824010956	Hà Thị Huyền	QTTM B K63	3,24		3,24	81	100.000	50110001183622	
87	1824010207	Đặng Thị Ngọc Ánh	QTTM B K63	3,28	0,05	3,33	92	100.000	21710000512647	
88	1924010739	Cần Thị Phương Linh	Kế toán A K64	3,39		3,39	81	100.000	21510002937020	
89	1924010468	Lê Thị Mỹ Duyên	Kế toán A K64	3,33		3,33	80	100.000	19036383943014	Techcombank CN Hoàng Quốc Việt
90	1924011195	Trịnh Thị Vân	Kế toán B K64	3,58		3,58	81	100.000	21510002937792	
91	1924011336	Đoàn Thị Thanh Hương	Kế toán B K64	3,39		3,39	81	100.000	21510002935671	
92	1924010744	Hồ Thị Anh Linh	Kế toán C K64	3,30		3,30	81	100.000	21510002935459	
93	1924011232	Bùi Thị Thùy Vân	Kế toán C K64	3,48	0,10	3,58	88	100.000	21510002937145	
94	1924011017	Lê Phương Thảo	Kế toán C K64	3,25		3,25	80	100.000	21510002934429	
95	1924011046	Chu Thị Thu	Kế toán D K64	3,70		3,70	82	100.000	21510002936823	
96	1924011228	Trương Thị Ngọc Tuyết	Kế toán D K64	3,46	0,05	3,51	81	100.000	21510002947056	
97	1924011285	Nguyễn Thị Phương	Kế toán D K64	3,40		3,40	80	100.000	21510002942112	
98	1924011210	Nguyễn Thanh Xuân	Kế toán D K64	3,27		3,27	80	100.000	21510003003933	
99	1924010661	Nguyễn Thị Huyền	Kế toán D K64	3,25		3,25	80	100.000	21510002942398	
100	1924011018	Lê Thị Thu Thảo	Kế toán D K64	3,21		3,21	80	100.000	21510002934146	
101	1924011243	Đặng Thị Khánh Loan	Kế toán D K64	3,20		3,20	80	100.000	21510002936577	
102	1924011308	Nguyễn Thị Huyền	Tài chính NH K64	3,36		3,36	81	100.000	21510002946895	
103	1924011230	Nguyễn Thị Huyền	QTKD A K64	3,76		3,76	83	100.000	21510002942370	
104	1924011273	Phạm Thị Thuý Nhung	QTKD B K64	3,68		3,68	84	100.000	21510002939761	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài Khoản	Ghi Chú
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL			
105	1924010914	Phan Thị Hồng	Phúc	QTKD B K64	3,50		3,50	81	100.000	21510002939354	
106	1924011192	Phùng Thị Thuý	Vân	QTKD B K64	3,42	0,05	3,47	83	100.000	21510002939211	
107	1924011304	Dương Thị Thanh	Tươi	QTKD B K64	3,42		3,42	82	100.000	21510003020190	
108	1924010413	Vũ Thị Hồng	Ánh	QTKD C K64	3,24		3,24	81	100.000	21510002943708	BIDV
109	1924010527	Phan Huy	Hà	QTTM A K64	3,74		3,74	80	100.000	21510002939381	
110	1924010682	Nguyễn Thị Minh	Hương	QTTM A K64	3,37		3,37	80	100.000	21510002942264	
111	1924011291	Đỗ Lan	Anh	QTTM B K64	3,53		3,53	81	100.000	21510002936027	
112	2024010220	Vũ Diệu	Linh	Kế toán A1 K65	3,73		3,73	80	100.000	2712205245676	Agribank CN Cẩm Khê Phú Thọ
113	2024010132	Vũ Thị	Thảo	Kế toán A2 K65	3,86		3,86	80	100.000	62110000902263	
114	2024011511	Đào Thị	Lan	Kế toán A2 K65	3,73		3,73	80	100.000	1014327443	Vietcombank CN Thuận Thành, Bắc Ninh
115	2024010366	Nguyễn Thị Lan	Anh	Kế toán A2 K65	3,91		3,91	80	100.000	21510003322638	
116	2024012064	Hà Khải	Nhi	Kế toán B1 K65	3,86		3,86	83	100.000	21510003325123	
117	2024011681	Đường Thị Phương	Nhung	Kế toán B1 K65	4,00		4,00	80	100.000	39810000917765	
118	2024012324	Trần Lê	Vy	Kế toán DN C1 K65	3,92		3,92	85	100.000	3146902092002	MB bank CN Vinh Phúc
119	2024012321	Phạm Thị	Nhung	Kế toán DN C1 K65	3,75		3,75	81	100.000	19035802669010	
120	2024012323	Nguyễn Thị Thu	Phuong	Kế toán DN C1 K65	3,75		3,75	81	100.000	21510003315966	
121	2024011445	Phạm Thị	Dương	Kế toán DN C1 K65	3,69		3,69	83	100.000	21510003315416	
122	2024012309	Đỗ Thị Ngọc	Mai	Kế toán DN C1 K65	3,61		3,61	81	100.000	7370195889888	MB bank CN Lào Cai
123	2024012307	Phạm Thị Phương	Thảo	Kế toán DN C1 K65	3,56		3,56	81	100.000	21510003315373	
124	2024012300	Lê Thị	Phượng	Kế toán DN C1 K65	3,46		3,46	81	100.000	3519205283030	Agribank CN Nam Thanh Hoá
125	2024010232	Cao Thị	Ngát	Kế toán DN C1 K65	3,42		3,42	84	100.000	100872133861	Viettinbank CN Thái Bình
126	2024012292	Trần Thị	Hoài	Kế toán DN C1 K65	3,42		3,42	81	100.000	21510003314909	
127	2024012328	Nguyễn Thị Phương	Linh	Kế toán DN C1 K65	3,33		3,33	81	100.000	21510003316048	
128	2024011114	Trần Đức	Nam	Quản trị KD B1 K65	3,55		3,55	83	100.000	21510003315090	
129	2024011173	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Quản trị KD B1 K65	3,50		3,50	83	100.000	21510003316075	
130	2024011765	Hồ Gia	Huy	Quản trị KD B1 K65	3,46		3,46	83	100.000	531110001233377	
131	2024011123	Nguyễn Văn	Ngô	Quản trị KD B1 K65	3,41		3,41	83	100.000	1017279747	Vietcombank- CN Thăng Long
132	2024011777	Ngô Bích	Diệp	Quản trị KD B1 K65	3,37		3,37	83	100.000	21510003317102	
133	2024011775	Nguyễn Thị Mai	Anh	Quản trị KD B1 K65	3,32		3,32	83	100.000	21510003316127	
134	2024011806	Bùi Kim	Chi	Quản trị KD B1 K65	3,32		3,32	81	100.000	21510003318460	
135	2024011750	Phạm Hồng	Nhung	Quản trị KD B1 K65	3,33		3,33	83	100.000	44210000270488	

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện			Số tiền (đồng)	Số tài Khoản	Ghi Chú
				TBHT	Thường	TBMR	DRL		
136	2024011698	Nguyễn Thị Thuý	Tiền	3,55		3,55	85	21510003315939	
137	2024011687	Bùi	Linh	3,45		3,45	83	21510003318451	
138	2024011727	Phạm Thị	Tà	3,43		3,43	84	21510003315346	
139	2024011115	Dương Thị Phương	Nga	3,37		3,37	81	21510003317768	
140	2024011768	Phí Huyền	Trang	3,32		3,32	83	38633999999	TMCP Sài Gòn (SCB)
141	2024011950	Phạm Khánh	Lý	3,27		3,27	86	36010000594701	
142	2024012281	Phan Như	Tà	3,91		3,91	81	21510003343903	
Cộng tiền thường cho danh hiệu sinh viên giỏi:									
Tổng cộng: A + B = 2.000.000 + 14.200.000 = 16.200.000 đồng									
Số tiền (bằng chữ): Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.									



Duyệt của BGH

Phòng Kế hoạch tài chính

Phòng CTCT - SV

BCN Khoa

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

Phạm T.P. Chi

TS. Đào Anh Tuấn

Nguyễn Thị Thu Dung

GS.TS Xuân Thành Hải

Số: 371 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên Khoa Mỏ
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của Khoa Mỏ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 02 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 22 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của Khoa Mỏ (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng Khoa Mỏ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₁₀₎.



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA KHOA MỎ - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo quyết định số **371** /QĐ-MĐC ngày **17** tháng **5** năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Mỏ - Địa chất)

A- Danh hiệu sinh viên xuất sắc

TT	Mã số SV	Họ tên sinh viên	Lớp	Điểm TBCHT (lần 1)	Điểm TBCHT thưởng	Điểm TBCHTMR (lần 1)	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Tài khoản	Ký nhận
1	1621040018	Vũ Thanh	Nam	3,7	0,05	3,75	91	200.000	21510001924719	
2	1821040035	Đặng Tiến	Anh	3,78	0,1	3,88	90	200.000	21510002465202	
				Cộng						400.000

A- Danh hiệu sinh viên giỏi

TT	Mã số SV	Họ tên sinh viên	Lớp	Điểm TBCHT (lần 1)	Điểm TBCHT thưởng	Điểm TBCHTMR (lần 1)	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Tài khoản	Ký nhận
1	1621040002	Nguyễn Trọng Hòa	Khai Thác K61	3,9		3,9	84	100.000	21510001923798	
2	1621040032	Nguyễn Chung Sơn	Khai Thác K61	3,8		3,8	84	100.000	21510001924816	
3	1621040013	Vũ Tùng Lâm	Khai Thác K61	3,6		3,6	84	100.000	21510001924685	
4	1621040005	Nguyễn Huy Giang	Khai Thác K61	3,6		3,6	84	100.000	21510001917126	
5	1621040099	Nguyễn Hoa Kỳ	Khai Thác K61	3,6		3,6	89	100.000	21510001925925	
6	1621040068	Nguyễn Hải Đăng	Khai Thác K61	3,5		3,5	84	100.000	21510001924959	
7	1621040030	Đỗ Trung Hiếu	Khai Thác K61	3,5		3,5	83	100.000	21510001924807	
8	1621040003	Trần Xuân Trà	Tuyển khoáng K61	3,91		3,91	81	100.000	21510001923804	
9	1621040039	Nguyễn Đình Chí	Tuyển khoáng K61	3,82		3,82	83	100.000	21510001954062	
10	1621040007	Đặng Thị Thu	Tuyển khoáng K61	3,73		3,73	83	100.000	21510001923822	
11	1721040057	Nguyễn Thị Hòa	Khai thác K62	3,86		3,86	81	100.000	21510002330586	
12	1721040054	Đặng Quang Minh	Khai thác K62	3,69	0,1	3,79	88	100.000	21510002188581	
13	1721040046	Nguyễn Văn Quý	Khai thác K62	3,56		3,56	81	100.000	21510002189450	
14	1721040005	Đinh Thế Vinh	Khai thác K62	3,5		3,5	81	100.000	44410000185887	
15	1721040049	Trần Khánh Huyền	Tuyển khoáng K62	3,39	0,1	3,49	83	100.000	21510002187436	
16	1821040042	Nguyễn Văn Cảnh	Khai Thác K63	3,24	0,05	3,29	84	100.000	21510002477605	
17	1821040044	Trần Trung Hiếu	Khai Thác K63	3,45		3,45	81	100.000	21510002478653	
18	1821040017	Tổng Hoàng Long	Khai Thác K63	3,28		3,28	88	100.000	21510002477085	
19	1921040018	Đoàn Đức Tuyên	Khai Thác K64	3,5		3,5	81	100.000	21510002946910	
20	1921040048	Nguyễn Bá Lành	Khai Thác K64	3,46		3,46	81	100.000	21510002947232	

21	1921040049	Đinh Bá	Lâm	Khai Thác K64	3,19	0,1	3,29	81	100.000	21510002936300	
22	1921040027	Nguyễn Tuấn	Anh	Khai Thác K64	3,19	0,05	3,24	81	100.000	21510002941322	
				Cộng					2.200.000		

Tổng cộng = A + B = 400.000 đồng + 2.200.000 đồng = 2.600.000 đồng
(Bảng chữ: Hai triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Hà nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập danh sách

Ban chủ nhiệm Khoa

Phòng KHTC

Phòng CTCT-SV

Duyệt của BGH



[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

Trương Thị Nga

PGS.TS Phạm Văn Hòa

Trần Xuân Thảo

Phạm.T.P. Chi

HIỆU TRƯỞNG

TS Trần Thanh Hải

Số: 369 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng sinh viên khoa Môi trường học kỳ I
năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Môi trường;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 05 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 12 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Môi trường (danh sách kèm theo).

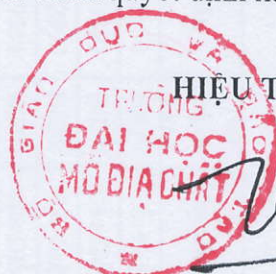
Điều 2. Trích số tiền 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Môi trường, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV (02).



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CẢ NHÂN SINH VIÊN KHOA MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021
 (Kèm theo quyết định số: **369**..... /QB-MDC ngày: **17** tháng **5**... năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Mỏ - Địa chất)

A. DANH SÁCH SINH VIÊN XUẤT SẮC

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
				TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1621080062	Phí Thu	Thủy	4,00	0,05	4,05	93	200.000	21510001921190	BIDV	Cầu Giấy
2	1621080136	Đỗ Thị Như	Mây	4,00	0,05	4,05	90	200.000	21510001923062	BIDV	Cầu Giấy
3	1621080122	Nguyễn Thị Thu	Trang	4,00	0,1	4,10	97	200.000	21510001922999	BIDV	Cầu Giấy
4	1621080003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	4,00	0,1	4,10	100	200.000	21510001919751	BIDV	Cầu Giấy
5	1821080059	Nguyễn Phương	Thảo	3,61	0,1	3,71	90	200.000	21510002463756	BIDV	Cầu Giấy
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Xuất sắc								1.000.000			

B. DANH HIỆU SINH VIÊN GIỎI

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
				TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1621080701	Phùng Tiến	Anh	4,00		4,00	82	100.000	21510001948092	BIDV	Cầu Giấy
2	1621080040	Tô Thị	Hằng	4,00		4,00	80	100.000	21510001921297	BIDV	Cầu Giấy
3	1621080107	Nguyễn Thị	Huyền	4,00	0,05	4,05	85	100.000	21510001971450	BIDV	Cầu Giấy
4	1621080072	Nguyễn Thị Lan	Hương	4,00		4,00	80	100.000	21510001921242	BIDV	Cầu Giấy
5	1621080033	Vũ Thị Thủy	Linh	4,00		4,00	80	100.000	21510001920249	BIDV	Cầu Giấy
6	1621080035	Phan Minh	Hiếu	4,00	0,05	4,05	82	100.000	21510001919812	BIDV	Cầu Giấy
7	1621080141	Phan Lan	Hương	4,00		4,00	80	100.000	19035228914011	Tech	PVĐông
8	1621080710	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4,00		4,00	85	100.000	21510001948108	BIDV	Cầu Giấy
9	1621080148	Nguyễn Thanh	Văn	4,00		4,00	80	100.000	21510001921826	BIDV	Cầu Giấy
10	1721080028	Phạm Thị Thu	Phuong	3,52	0,05	3,57	84	100.000	21510002182291	BIDV	Cầu Giấy
11	1721080022	Nguyễn Ngọc	Vinh	3,43	0,1	3,53	83	100.000	50110000822755	BIDV	Thanh Hóa

12	1821080032	Nguyễn Thùy	Dương	DCMTDS63	3,22	0,1	3,32	83	100.000	21510002477748	BIDV	Cầu Giấy
----	------------	-------------	-------	----------	------	-----	------	----	---------	----------------	------	----------

Cộng tiền thường cho cả nhân đạt danh hiệu Sinh viên Giỏi

Tổng cộng: A + B = 2.200.000

(Bảng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

Duyệt của BGH

Phòng KHTC

Phòng CTCT-SV

Ban chủ nhiệm Khoa

Người lập danh sách



Phạm T.P. Chi

Le Xuân Thanh

Nguyễn Quốc Phi

Hoàng Thu Trang

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Xuân Thành Hải



Số: 379 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng sinh viên khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

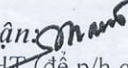
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Lớp sinh viên Xuất sắc" cho 01 lớp, "Sinh viên Xuất sắc" cho 07 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 28 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các tập thể và cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

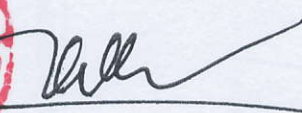
- | | |
|---------------------------------------|-------------------------|
| - Danh hiệu "Lớp sinh viên Xuất sắc": | 500.000 đồng/lớp; |
| - Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": | 200.000 đồng/sinh viên; |
| - Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": | 100.000 đồng/sinh viên. |

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận: 
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(02).



HIỆU TRƯỞNG


GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 319 /QĐ-MBC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất)

A. Lớp sinh viên Xuất sắc

STT	Lớp	Danh hiệu	Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Ký nhận
1	Trắc địa - Bản đồ K63	Lớp sinh viên Xuất sắc	500.000	
Cộng tiền thưởng cho Lớp sinh viên Xuất sắc			500.000	

B. Danh hiệu sinh viên xuất sắc:

STT	MSV	Họ và tên sinh viên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh ngân hàng	Ghi chú	
				TBHT	Thưởng	TBMR	DRL						
1	1821030079	Nguyễn Thị Vân	Anh	DCTDBD63	3.57	0.1	3.67	97	200.000	21510002477784	BIDV	Cầu Giấy	
2	1821030202	Đào Quang	Đông	DCTDBD63	3.55	0.05	3.60	95	200.000	21510002465187	BIDV	Cầu Giấy	
3	1821030099	Tổng Mai	Linh	DCTDQD63	3.58	0.05	3.63	95	200.000	21510002477076	BIDV	Cầu Giấy	
4	1821030084	Nguyễn Văn	Dương	DCTDQD63	3.93	0.1	4.03	92	200.000	21510002477599	BIDV	Cầu Giấy	
5	1821030159	Tạ Minh	Đức	DCTDQD63	3.87		3.87	91	200.000	0420185868888	MB-Bank	Hoài Đức	
6	1921030149	Nguyễn Thế	Long	DCTDTD_64	3.73	0.1	3.83	98	200.000	3212205248954	Agribank	Hồng Quang	
7	1721030042	Phùng Xuân	Kỳ	DCTDTD62_2	3.60	0.1	3.70	95	200.000	21510002179530	BIDV	Cầu Giấy	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên xuất sắc									1.400.000				

C. Danh hiệu sinh viên giỏi:

STT	MSV	Họ và tên sinh viên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh ngân hàng	Ghi chú	
				TBHT	Thưởng	TBMR	DRL						
1	1721030046	Trần Thị Mai	Hiền	DCTDQD62_2	3.53		3.53	84	100.000	21510002182006	BIDV	Cầu Giấy	
2	1921030501	Nguyễn Minh	Lâm	DCTDQD_64	3.86	0.05	3.91	85	100.000	21510002947074	BIDV	Cầu Giấy	
3	1921030500	Nguyễn Duy	Toàn	DCTDQD_64	3.55		3.55	82	100.000	21510002932627	BIDV	Cầu Giấy	
4	1621030006	Phạm Đăng	Lâm	DCTDQD_61_3	4.00		4.00	85	100.000	21510001920799	BIDV	Cầu Giấy	
5	1621030020	Nguyễn Hải	Đặng	DCTDQD_61_3	3.79		3.79	85	100.000	21510001922485	BIDV	Cầu Giấy	
6	1621030029	Nguyễn Văn	Dương	DCTDQD_61_3	3.75		3.75	85	100.000	21510001922537	BIDV	Cầu Giấy	
7	1621030047	Lê Khắc	Tư	DCTDQD_61_3	4.00		4.00	83	100.000	21510001922643	BIDV	Cầu Giấy	
8	1621030021	Trần Việt	Hùng	DCTDQD_61_3	4.00		4.00	80	100.000	21510001971229	BIDV	Cầu Giấy	
9	1621030019	Hoàng Văn	Hải	DCTDQD_61_2	3.64		3.64	80	100.000	21510001922476	BIDV	Cầu Giấy	
10	1821030098	Tạ Thị Bích	Ngoài	DCTDQD63	3.76		3.76	81	100.000	21510002477146	BIDV	Cầu Giấy	
11	1821030116	Vũ Thị Thu	Hiệp	DCTDQD63	3.65		3.65	81	100.000	21510002476602	BIDV	Cầu Giấy	
12	1821030199	Nguyễn Thị	Huệ	DCTDQD63	3.65		3.65	81	100.000	21510002463464	BIDV	Cầu Giấy	
13	1821030019	Đỗ Quang	Danh	DCTDQD63	3.61		3.61	81	100.000	020064937899	Sacombank	Cầu Giấy	
14	1821030110	Trần Vũ Thủy	Linh	DCTDQD63	3.58		3.58	84	100.000	21510002476833	BIDV	Cầu Giấy	
15	1821030201	Đào Thị Mỹ	Linh	DCTDQD63	3.56		3.56	81	100.000	21510002465178	BIDV	Cầu Giấy	

STT	MSV	Họ và tên sinh viên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh ngân hàng	Ghi chú
				TBHT	Thưởng	TBMR	DRL					
16	1821030055	Nguyễn Giang	Nam	DCTDQD63	3.32		3.32	81	100.000	11331167	ACB	Hoàng Quốc Việt
17	1821030231	Nguyễn Thị Ngân	Ngân	DCTDQD63	3.20	0.05	3.25	91	100.000	21510002463358	BIDV	Cầu Giấy
18	1821030203	Nguyễn Ngọc Ly	Ly	DCTDQD63	3.22		3.22	81	100.000	21510002463835	BIDV	Cầu Giấy
19	1821030022	Hà Khánh Linh	Linh	DCTDQD63	3.64		3.64	81	100.000	21510002478875	BIDV	Cầu Giấy
20	1721030501	Nguyễn Thị Thu Uyên	Uyên	DCTDQD62	4.00		4.00	80	100.000	21510002330489	BIDV	Cầu Giấy
21	1721030135	Lý Tuấn Quang	Quang	DCTDQD62	3.50		3.50	81	100.000	21510002190382	BIDV	Cầu Giấy
22	1821030264	Nguyễn Thiên Văn	Văn	DCTDBD63	3.58		3.58	80	100.000	21510002817034	BIDV	Cầu Giấy
23	1821030025	Hoàng Long Nhật	Nhật	DCTDBD63	3.40		3.40	84	100.000	21510002478857	BIDV	Cầu Giấy
24	1821030171	Mã Ngọc Linh	Linh	DCTDBD63	3.37		3.37	84	100.000	21510002478848	BIDV	Cầu Giấy
25	1821030240	Nguyễn Kiều Trang	Trang	DCTDBD63	3.36		3.36	85	100.000	21510002463941	BIDV	Cầu Giấy
26	1821030054	Nguyễn Đức Chung	Chung	DCTDBD63	3.34		3.34	84	100.000	21510002464111	BIDV	Cầu Giấy
27	1821030265	Nguyễn Tiến Duy	Duy	DCTDBD63	3.28		3.28	90	100.000	26010001169176	BIDV	Mỹ Đình
28	1821030255	Vũ Huy Hoàng	Hoàng	DCTDBD63	3.22		3.22	84	100.000	21210000579443	BIDV	Tây Hồ
Tổng cộng: A + B + C =									4.700.000	2.800.000		

Cộng tiền thưởng cho sinh viên giỏi

(Bảng chữ: Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn)

Phòng Kế hoạch-Tài chính

Phòng CT Chính trị - SV

Khoa TD-BD và QLDD

Người lập biểu



[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

HIỆU TRƯỞNG

Phạm. T. P. Chi

GS.TS Xuân Thanh Hải

PGS.TS Bùi Ngọc Quý

Tạ Thị Thu Hương



Số: 377 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên cơ sở Vũng Tàu
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của cơ sở Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

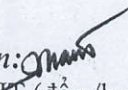
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 01 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 08 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa cơ sở Vũng Tàu (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, cơ sở Vũng Tàu, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận: 
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₁₀₎.


HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA TÀI CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÙNG TÀU
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: **337** /QĐ-MĐC ngày **17** tháng **5** năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên xuất sắc

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm TB HT	Điểm cộng	Điểm TB MR	Điểm rèn luyện	Số tiền khen thưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	1921011029	Phạm Thị Yến	Phi	DCDCLD_64VT	3.67	0.05	3.72	90	200.000	76110000416589	BIDV
Cộng											
									200.000		

B. Danh hiệu sinh viên giỏi

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm TB HT	Điểm cộng	Điểm TB MR	Điểm rèn luyện	Số tiền khen thưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	1721011016	Vũ Văn	Tùng	DCCD TD62VT	3.42	0.05	3.47	86	100.000	5615205019819	Agribank
2	1621011071	Nguyễn Anh	Quân	DCD TD61VT	3.44	0.05	3.49	80	100.000	050067240283	Sacombank
3	1721011046	Nguyễn Văn	Duy	DCD TD62VT	3.25	0.05	3.30	85	100.000	4704205333890	Agribank
4	1821010191	Dương Xuân	Hùng	DCDK DK63VT	3.54		3.54	86	100.000	6090205823346	Agribank
5	1621011037	Phạm Tuấn	Anh	DCD TD61VT	3.32	0.05	3.37	80	100.000	6090205620058	Agribank
6	1721011053	Nguyễn Đức	Dũng	DCDK KK62VT	3.44	0.05	3.49	88	100.000	6090205792807	Agribank
7	1621010212	Lê Văn	Long	DCDK TB61VT	3.71		3.71	85	100.000	0081001319542	vietcombank
8	1621011044	Phạm Gia	Bảo	DCDK TB61VT	3.50		3.50	83	100.000	180314849166106	Eximbank
Cộng											
									800.000		

Tổng tiền (bằng số) (A) + (B):
Tổng tiền (bằng bằng chữ):

200.000 + 800.000 = 1.000.000 đồng
Một triệu đồng chẵn./.

Duyệt của BGHS

Phòng KHTC

Phòng Công tác CT SV

Người lập danh sách



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Xuân Thanh Hải

Phạm, T.P. Chi

Đỗ Xuân Thanh

Nguyễn Thụy Linh

Số: 368 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Xây dựng
học kỳ I, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Xây dựng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 01 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 28 sinh viên trong học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của khoa Xây dựng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trích số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) từ nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Xây dựng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV₍₁₀₎.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA XÂY DỰNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021
 (Kèm theo Quyết định số: **368**...../QĐ-MDC ngày **17** tháng **5** năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc:

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện			Tiền thưởng (Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng
				TBHT	Thưởng	TBMR			
1	1821070031	Hoàng Hữu Sao	DCXDH763	3.81	0.1	3.91	91	200.000	21510002467828
Cộng tiền thưởng cho sinh viên Xuất sắc								200.000	

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng
				TBHT	Thưởng	TBMR	DRL			
1	1621070736	Đinh Hoàng Khánh Thịnh	DCXDNM61_2	3.60		3.60	88	100.000	21510001948083	
2	1621070034	Phạm Công Minh	DCXDNM61_2	3.45		3.45	84	100.000	21510001931427	
3	1621070155	Nguyễn Trung Nghĩa	DCXDNM61_2	3.35		3.35	83	100.000	21510001934657	
4	1621070029	Phạm Văn Thái	DCXDNM61_2	3.25		3.25	86	100.000	21510001946661	
5	1621070212	Nguyễn Thành Đô	DCXDXN61_2	3.57	0.1	3.67	83	100.000	21510001919706	
6	1621070090	Nguyễn Văn Cương	DCXDXN61_2	3.55	0.05	3.60	83	100.000	21510001921747	
7	1621070061	Đỗ Tuấn Anh	DCXDDC61_2	3.33	0.1	3.43	91	100.000	21510001933821	
8	1621070079	Lê Thị Thơm	DCXDDC61_2	3.88		3.88	86	100.000	21510001931621	
9	1321070405	Lê Tuấn Anh	DCXDDC61_2	3.42		3.42	85	100.000	42710000326876	
10	1621070180	Chu Minh Chiến	DCXDDC61_2	3.92		3.92	83	100.000	21510001934806	
11	1621070120	Phí Minh Điện	DCXDDC61_2	3.67		3.67	83	100.000	21510001954293	
12	1621070040	Lê Gia Thanh	DCXDDC61_2	3.55		3.55	83	100.000	21510001931445	
13	1621070080	Nguyễn Xuân Sơn	DCXDDC61_2	3.31	0.1	3.41	80	100.000	21510001931630	
14	1621070215	Nhữ Xuân Sơn	DCXDH761_2	3.13	0.1	3.23	96	100.000	21510001973058	
15	1621070098	Nguyễn Văn Khỏe	DCXDH761_2	4.00		4.00	83	100.000	21510001933089	
16	1621070124	Hồ Văn Lộc	DCXDH761_2	4.00		4.00	81	100.000	21510001947114	
17	1621070173	Nguyễn Văn Quang	DCXDH761_2	3.75		3.75	81	100.000	21510001934781	
18	1721070033	Dương Thị Hương Ly	DCXDDC62_2	3.64	0.1	3.74	89	100.000	21510002196548	
19	1721070025	Trần Hồng Anh	DCXDDC62_2	3.63	0.05	3.68	86	100.000	21510002178953	
20	1721070062	Nguyễn Bá Phong	DCXDH762_2	3.50		3.50	87	100.000	50069009831	Sacombank
21	1721070023	Nguyễn Anh Tú	DCXDH762_2	3.44		3.44	85	100.000	1019966691	Vietcombank

	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng
				TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL			
22	1721070064	Dương Hoàng Việt	DCXDDHT62_2	3.92		3.92	83	100.000	1019388389	Vietcombank
23	1821070092	Phạm Ngọc Dương	DCXDDDC63	3.65		3.65	86	100.000	21510002465929	
24	1821070179	Nguyễn Xuân Hải	DCXDDDC63	3.54		3.54	82	100.000	34110001185127	
25	1821070039	Lê Dương Hưng	DCXDDDC63	3.50		3.50	80	100.000	21510002467581	
26	1821070074	Nguyễn Thị Diễm	DCXDDHT63	3.64		3.64	83	100.000	21510002466490	
27	1821070028	Đoàn Thị Tuyết Mai	DCXDDHT63	3.57	0.05	3.62	86	100.000	21510002467989	
28	1821070040	Lê Hoàng Anh	DCXDXN63	3.41	0.1	3.51	86	100.000	21510002467545	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên Giỏi								2.800.000		

Tổng cộng: A + B = 200.000 + 2.800.000 = 3.000.000

Bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn.

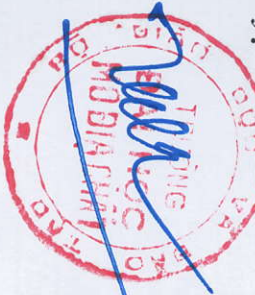
Duyệt của BGH

Phòng Kế hoạch tài chính

Phòng CTCT - SV

Ban chủ nhiệm Khoa

Người lập biểu



Phạm T.P. Chi

Lê Xuân Thành

Phạm Thanh Thủy

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Xuân Thanh Hải